CTCP Sông Đà 9 (HNX: SD9)

FireAnt

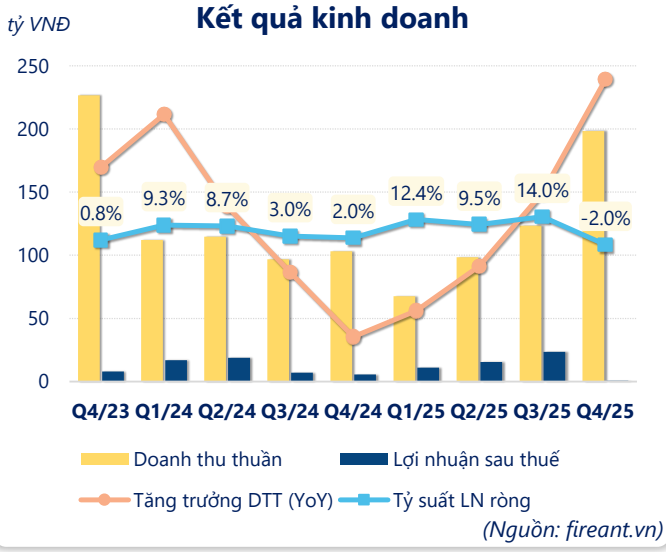
Ngày 31/12/2025	11,300 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	-3.4%	-6.6%	-4.2%

ROE 2025: 3.7% | +/- YoY ▲ 0.6%

	Q4/25	QoQ	YoY
DT thuần	198 tỷ VNĐ	▲ 74.0 ▲ 59.9%	▲ 95.0 ▲ 92.5%
LN gộp	49.7 tỷ VNĐ	▲ 4.00 ▲ 8.7%	▼ 5.80 ▼ 10.5%
LN thuần	-2.77 tỷ VNĐ	▼ 31.7 ▼ 110%	▼ 14.2 ▼ 124%
LN sau thuế	0.59 tỷ VNĐ	▼ 22.9 ▼ 97.5%	▼ 5.04 ▼ 89.4%

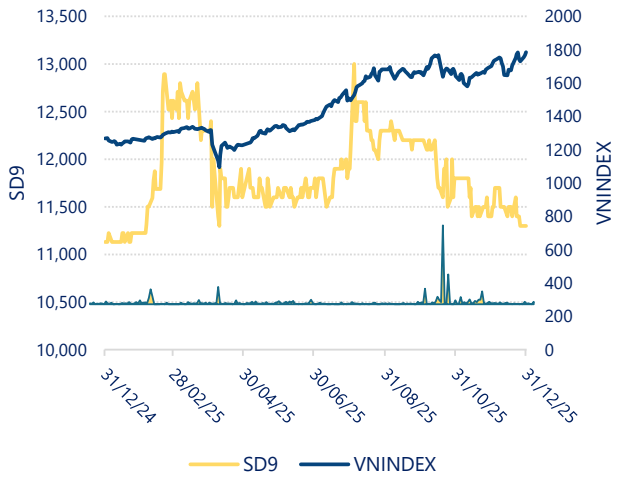
	2025	YoY
DT thuần	488 tỷ VNĐ	▲ 61.0 ▲ 14.2%
LN gộp	172 tỷ VNĐ	▼ 8.00 ▼ 4.2%
LN thuần	56.1 tỷ VNĐ	▼ 12.0 ▼ 17.7%
LN sau thuế	50.5 tỷ VNĐ	▲ 2.00 ▲ 4.2%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

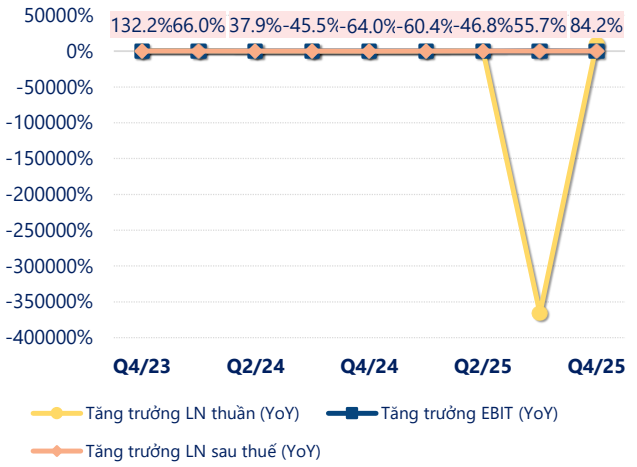
Lịch sử giá



CTCP Sông Đà 9 (HNX: SD9)

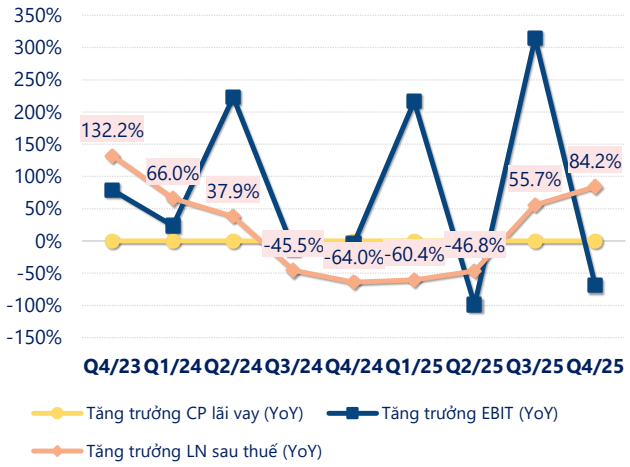
FireAnt

Tăng trưởng lợi nhuận



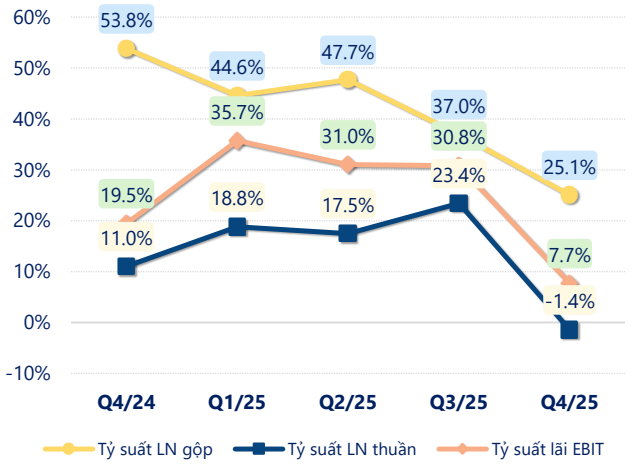
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



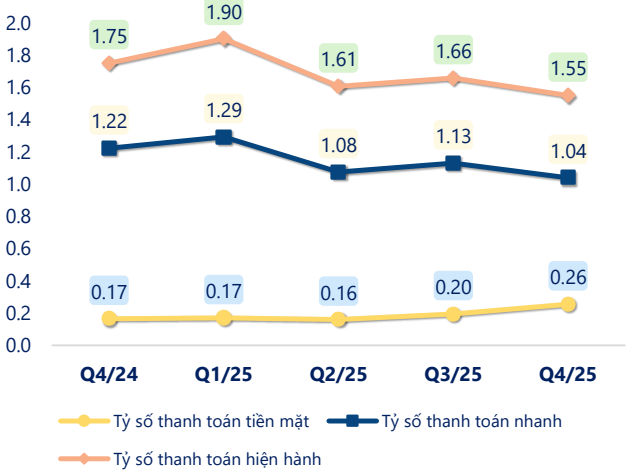
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



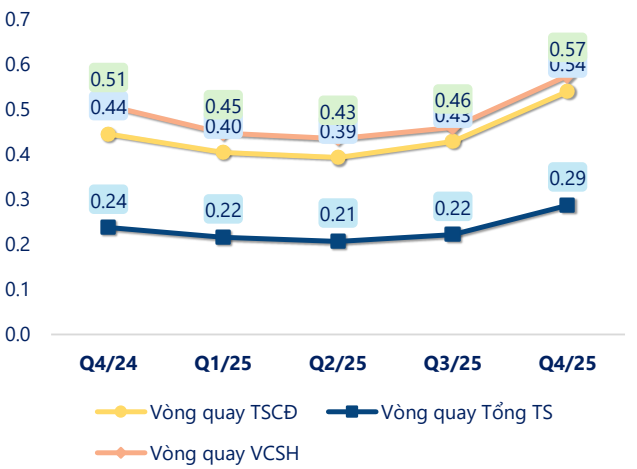
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



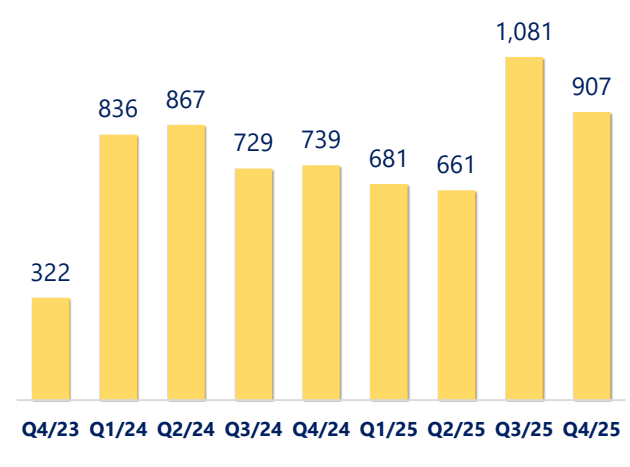
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

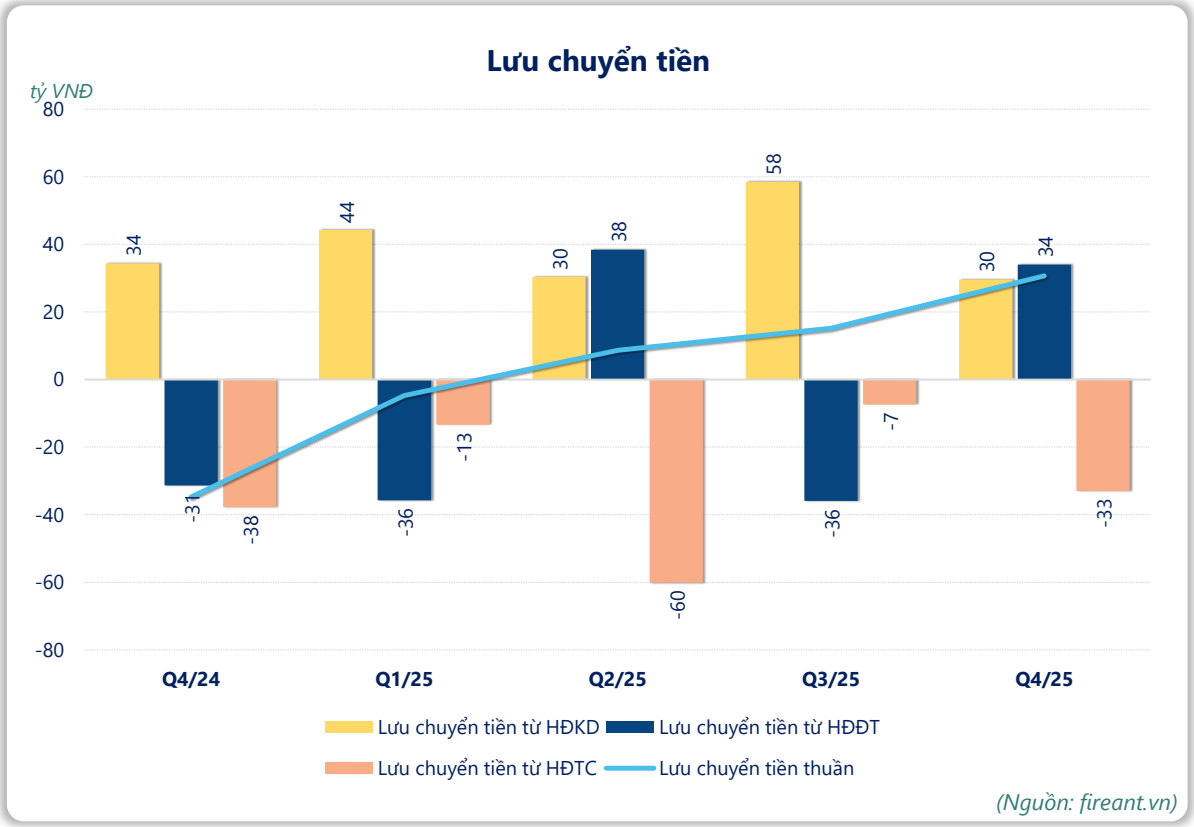


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Sông Đà 9 (HNX: SD9)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**198**	**103**	**92.5%**	**488**	**427**	**14.2%**
Giá vốn hàng bán	149	47.7	211%	315	247	27.7%
Lợi nhuận gộp	49.7	55.5	-10.5%	172	180	-4.2%
Doanh thu HĐTC	1.86	1.70	9.3%	6.86	4.26	60.8%
Chi phí TC	11.1	12.4	-10.5%	46.1	58.3	-20.9%
Chi phí lãi vay	11.1	12.4	-10.7%	46.0	53.3	-13.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**43.2**	**33.5**	**29.0%**	**77.1**	**57.9**	**33.1%**
LN thuần từ HĐKD	-2.77	11.4	-124%	56.1	68.1	-17.7%
Lợi nhuận khác	**6.99**	**-3.68**	**290%**	**6.00**	**-5.80**	**203%**
LN trước thuế	4.22	7.72	-45.4%	62.1	62.3	-0.4%
Lợi nhuận sau thuế	**0.59**	**5.63**	**-89.4%**	**50.5**	**48.5**	**4.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.90**	**2.04**	**-291%**	**31.1**	**25.3**	**22.7%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)